

Số: 284 /QĐ-ĐHKB

Bắc Ninh, ngày 21 tháng 3 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Kinh Bắc

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 88/ĐHKB-HĐT ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Kinh Bắc về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh Bắc;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo và Công tác sinh viên.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Kinh Bắc.

**Điều 2.** Quyết định này thay thế Quyết định số 614/QĐ-ĐHKB ngày 28/8/2021 và có hiệu lực kể từ năm học 2025-2026.

**Điều 3.** Chánh văn phòng, Trưởng phòng Quản lý đào tạo và Công tác sinh viên, Trưởng các đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- HĐT; BGH (để b/c);
- Lưu: QLĐT&CTSV, VT./.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
KINH BẮC  
TS. Phạm Ngọc Trúc

## QUY ĐỊNH

### Chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Kinh Bắc

*(Ban hành kèm theo quyết định số 284/QĐ-ĐHKB ngày 21/3/2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)*

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định chi tiết chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Kinh Bắc (sau đây gọi tắt là giảng viên), bao gồm: Nhiệm vụ của các chức danh giảng viên; thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học; quy đổi các hoạt động chuyên môn ra giờ chuẩn giảng dạy và chế độ làm việc vượt định mức lao động.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với cán bộ, giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Kinh Bắc (sau đây gọi tắt là Trường). Không áp dụng đối với giảng viên thỉnh giảng của Trường và các đối tượng khác.

### **Điều 2. Mục đích**

1. Quy định này là căn cứ để phân công, bố trí, sử dụng, tuyển dụng giảng viên; đánh giá, xếp loại hằng năm; thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động trong Trường.

2. Quy định này là cơ sở để cán bộ, giảng viên cơ hữu của Trường xây dựng kế hoạch tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

### **Điều 3. Nhiệm vụ của các chức danh giảng viên**

Nhiệm vụ của các chức danh giảng viên thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học.

## Chương II

### THỜI GIAN LÀM VIỆC, GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

#### Điều 4. Thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy

##### 1. Thời gian làm việc

Thời gian làm việc của giảng viên trong năm học là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính) để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác, được xác định theo năm học sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định.

##### 2. Giờ chuẩn giảng dạy

Giờ chuẩn giảng dạy là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành khối lượng một công việc nhất định thuộc nhiệm vụ của giảng viên tương đương với một tiết giảng lý thuyết trình độ đại học trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến), bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau tiết giảng.

3. Thời gian giảng dạy trong kế hoạch đào tạo được tính bằng giờ chuẩn giảng dạy, trong đó một tiết giảng lý thuyết trình độ đại học trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) 50 phút được tính bằng một giờ chuẩn giảng dạy và được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 8 của Quy định này.

#### Điều 5. Định mức giờ chuẩn giảng dạy

1. Định mức giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên trong một năm học được quy định từ 200 đến 300 giờ chuẩn giảng dạy; trong đó, giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) phải đảm bảo tối thiểu 50% định mức quy định.

2. Định mức giờ chuẩn giảng dạy của các chức danh được quy định như sau:

TT	Chức danh	Định mức giờ chuẩn
1	Giáo sư	300
2	Phó Giáo sư, Giảng viên cao cấp	250
3	Tiến sĩ, Giảng viên chính	220
4	Thạc sĩ	200

3. Trường hợp đặc biệt: Giảng viên trong thời gian tập sự, thử việc; nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, nghỉ theo các quy định của Bộ luật Lao động được miễn giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ.

**Điều 6. Định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể**

1. Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý; công tác đảng, đoàn thể có nghĩa vụ giảng dạy tối thiểu theo định mức dưới đây (tính theo tỷ lệ % của định mức giờ chuẩn giảng dạy quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này):

TT	Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý; công tác đảng, đoàn thể	Định mức tối thiểu
1	Hiệu trưởng	15%
2	Chủ tịch HĐT, Phó hiệu trưởng	20%
4	Trưởng phòng/ban và tương đương	25%
5	Phó trưởng phòng/ban và tương đương	30%
6	Trưởng khoa, Phó trưởng khoa và tương đương	
a)	Đối với khoa có trên 30 giảng viên cơ hữu trở lên hoặc có quy mô 800 người học trở lên	
	Trưởng khoa	60%
	Phó trưởng khoa	70%
	Trưởng bộ môn	70%
b)	Đối với khoa có dưới 30 giảng viên cơ hữu hoặc có quy mô dưới 800 người học	
	Trưởng khoa	70%
	Phó trưởng khoa	80%
	Trưởng bộ môn	80%
7	Chủ nhiệm lớp, Cố vấn học tập	85%
8	Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Công đoàn trường	85%

Giảng viên kiêm nhiệm nhiều chức vụ được áp dụng định mức giờ chuẩn giảng dạy thấp nhất trong số các chức vụ kiêm nhiệm quy định tại Điều này.

## **Điều 7. Quy định về nghiên cứu khoa học**

1. Giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học (tương đương 586 giờ hành chính) để làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

2. Căn cứ điều kiện, tiềm lực khoa học, chiến lược phát triển của Trường và năng lực chuyên môn của giảng viên, giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho giảng viên như sau:

<b>TT</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Định mức giờ NCKH</b>
1	Giáo sư, Phó Giáo sư, Giảng viên cao cấp	850
2	Tiến sĩ, Giảng viên chính	700
3	Thạc sĩ	600

3. Mỗi năm, giảng viên phải hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được giao tương ứng với chức danh hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm. Kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên được đánh giá thông qua các sản phẩm khoa học và công nghệ, các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; tối thiểu tương đương với một đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc một bài báo được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN hoặc một báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học chuyên ngành.

4. Đối với những giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy định, Hiệu trưởng căn cứ mức độ, hoàn cảnh cụ thể để xem xét khi đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách liên quan; đồng thời, cho phép bù giờ chuẩn giảng dạy (nếu thừa) sang giờ nghiên cứu khoa học đối với những giảng viên này.

## **Chương III**

### **QUY ĐỊNH CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN RA GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VƯỢT ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG**

#### **Điều 8. Quy định giờ chuẩn giảng dạy**

1. Đối với giảng dạy lý thuyết

a) Một tiết giảng lý thuyết trực tiếp trên lớp hoặc trực tuyến cho tối đa 40 sinh viên được tính bằng 1,0 giờ chuẩn giảng dạy. Một tiết giảng lý thuyết sau đại học tính tương đương 1,2 giờ chuẩn giảng dạy.

b) Hệ số lớp đông

Hệ số quy đổi một tiết giảng lý thuyết trực tiếp trên lớp hoặc trực tuyến (đào tạo đại học, sau đại học) ra giờ chuẩn giảng dạy như sau:

- Lớp dưới 40 người học: Hệ số 1,0
- Lớp từ 40 đến 69 người học: Hệ số 1,1
- Lớp từ 70 đến 99 người học: Hệ số 1,2
- Lớp từ 100 đến 149 người học: Hệ số 1,3
- Lớp từ 150 đến 199 người học: Hệ số 1,4
- Lớp từ 200 người học trở lên: Hệ số 1,5

2. Đối với giảng dạy thực hành

a) Một tiết giảng thực hành tối đa 20 sinh viên được tính bằng 0,5 đến 0,75 giờ chuẩn giảng dạy phụ thuộc đặc trưng ngành nghề đào tạo.

b) Hệ số lớp đông

- Lớp dưới 20 người học: Hệ số 1,0
- Lớp từ 20 đến 35 người học: Hệ số 1,1
- Lớp từ 36 đến 41 người học: Hệ số 1,2
- Lớp trên 41 người học: Hệ số 1,3

3. Số lượng người học được xác định theo sĩ số thực học cao nhất của học phần/môn học (kể cả trường hợp lớp ghép).

**Điều 9. Quy đổi giờ chuẩn các hoạt động chuyên môn khác**

**1. Chấm bài thi**

a) Đối với thi viết:

Số bài thi chấm được tính tương đương 01 tiết giảng dạy lý thuyết

Thạc sĩ	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Giáo sư
15	17	18	21

b) Đối với thi vấn đáp: Mức thanh toán bằng mức giảng dạy (tính theo thù lao giảng dạy quy định tại Điều 20 Quy chế chi tiêu nội bộ).

## **2. Hội đồng bảo vệ khóa luận (cấp cử nhân)**

a) Hướng dẫn và chấm báo cáo thực tập:

Hướng dẫn và chấm 01 báo cáo thực tập được tính tương đương số tiết giảng lý thuyết

Thạc sĩ	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Giáo sư
3,4	3,1	2,8	2,4

b) Hướng dẫn khóa luận

Hướng dẫn 01 khóa luận được tính tương đương số tiết giảng lý thuyết

Thạc sĩ	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Giáo sư
7	6	5,5	4,7

c) Chấm phản biện khóa luận trước khi chuyển sang Hội đồng khóa luận

Chấm 01 khóa luận được tính tương đương số tiết giảng lý thuyết

Thạc sĩ	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Giáo sư
1,4	1,2	1,1	0,9

## **3. Hội đồng bảo vệ đồ án/luận văn (cấp thạc sĩ)**

a) Hướng dẫn đồ án

Hướng dẫn 01 đồ án được tính tương đương số tiết giảng lý thuyết

Tiến sĩ	Phó giáo sư	Giáo sư
11	10	9

b) Chấm phản biện đồ án trước khi chuyển sang Hội đồng bảo vệ

Chấm phản biện 01 đồ án được tính tương đương số tiết giảng lý thuyết

Tiến sĩ	Phó giáo sư	Giáo sư
1,2	1,1	1,0

## **Điều 10. Chế độ làm việc vượt định mức lao động**

Trong một năm học, giảng viên giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác vượt định mức được hưởng chế độ làm việc vượt định mức theo quy định như sau:

1. Giảng dạy vượt định mức được chi thù lao theo quy định tại Điều 20 Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.
2. Tham gia hoạt động tự đánh giá hoặc phục vụ kiểm định chất lượng giáo dục của trường (không vượt quá thời gian theo quy định của pháp luật về lao động) được chi thù lao theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng trường.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 11. Trách nhiệm của Trường các đơn vị**

Trường các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường căn cứ Quy định này; đặc thù và điều kiện cụ thể của đơn vị mình để triển khai đến cán bộ, giảng viên tại đơn vị, đảm bảo yêu cầu mỗi giảng viên phải thực hiện đầy đủ nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

#### **Điều 12. Điều khoản thi hành**

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới đó.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, Trường các đơn vị có trách nhiệm phản ánh kịp thời với Hiệu trưởng (qua Phòng Quản lý đào tạo và Công tác sinh viên) để xem xét, giải quyết./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Phạm Ngọc Trúc**





